TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Tô Văn Nhung;

2.Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 530/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị D, sinh năm 1985; thường trú: Thôn 4, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; tạm trú: Tổ 8, khu phố C, phường E, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn T, sinh năm 1986; thường trú: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; tạm trú: Tổ 8, khu phố C, phường E, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

(Chị Phan Thị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Nguyễn T vắng mặt khôngly do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phan Thị D trình bày:

Chị Phan Thị D và anh Nguyễn T tự nguyện tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số 03/2008, cấp ngày 19/5/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại phường G, thị xã (này là thành phố) T, tỉnh Bình

Dương đến năm 2017 thì chuyển về thành phố D, tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay. Chị D làm công nhân, tiền lương mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng; anh T làm tài xế xe container, thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, tiền lương anh T làm ra chỉ để tiêu xài cá nhân, không phụ với chị D lo cho các con. Ngoài ra, anh T còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Mặc dù chị D đã nhiều lần tha thứ nhưng anh T không thay đổi, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Chị D và anh T đã ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị D và anh T có hai con chung là Nguyễn Thị Kiều T1, sinh ngày 13/9/2009 và Nguyễn Phan Nhật T2, sinh ngày 04/6/2013. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng cho mỗi con chung là 2.000.000 đồng/tháng (tổng cộng 4.000.000đồng/tháng/02 con).

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Nguyễn T*: Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để làm việc, viết bản tự khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Ngày 24/6/2020, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Phan Thị D và anh Nguyễn T tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường* E *và được cung cấp như sau*: Hội Liên hiệp phụ nữ phường E không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị D và anh Nguyễn T. Đồng thời Hội Liên hiệp phụ nữ phường E cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ giữa hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào, vấn đề con chung, công việc và thu nhập Hội Liên hiệp phụ nữ phường E cũng không biết nên không cung cấp được thông tin cho Tòa án.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòatrong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của

Bộ luật Tố tụng dân sự.Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Phan Thị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị D và anh Nguyễn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số 03/2008, ngày 19/5/2009, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Nguyên đơn chị Phan Thị D cho rằng anh Nguyễn T chơi cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, giữa vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nên chị D và anh T đã ly thân từ tháng 5 năm 2020.

Xét thấy, Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn T có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến nhằm hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không đến và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị D. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai bên đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, chị D yêu cầu được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Phan Thị D và anh Nguyễn T có hai con chung là Nguyễn Thị Kiều T1, sinh ngày 13/9/2009 và Nguyễn Phan Nhật T2, sinh ngày 04/6/2013.

Tòa án triệu tập anh T để trình bày ý kiến về con chung nhưng anh T vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng. Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con…trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con…". Xét chị D có công việc, thu nhập ổn định, anh T làm tài xế nên thường xuyên đi xa nhà; đồng thời theo lời khai của cháu Kiều T1 và cháu Nhận T2 đều có nguyện vọng được ở với chị D vì chị D quan tâm, chăm sóc các cháu tốt hơn. Do đó, cần giao con chung Nguyễn Thị Kiều T1, Nguyễn Phan Nhật T2 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Nghĩa vụ nuôi con là của cả cha lẫn mẹ, khi ly hôn, người không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D yêu cầu anh T cấp dưỡng cho mỗi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Căn cứ quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi xem xét điều kiện thực tế của các bên và nhu cầu thiết yếu của con chung ở độ

tuổi nêu trên thì thấy mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/con là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại D Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị D phải chịu án phí ly hôn, anh Nguyễn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị D đối với bị đơn anh Nguyễn T về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị D được ly hôn với anh Nguyễn T (Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số 03/2008 ngày 19/5/2009 do Uỷ ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp).

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Kiều T1, sinh ngày 13/9/2009 và Nguyễn Phan Nhật T2, sinh ngày 04/6/2013 cho chị Phan Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng (tổng cộng 4.000.000 đồng/tháng/02con). Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung Nguyễn Thị Kiều T1, Nguyễn Phan Nhật T2 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau ly hôn, anh Nguyễn T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, chị Phan Thị D không được cản trở anh Nguyễn T thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Chị Phan Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0040739 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Nguyễn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Trang